

LỜI NÓI ĐẦU

Mâu thuẫn là hiện tượng có trong tất cả các lĩnh vực: tự nhiên, xã hội và tư duy con người. Trong hoạt động kinh tế, mặt trận cũng mang tính phổ biến, chẳng hạn như cung - cầu, tích lũy và tiêu dùng, tính kế hoạch hoá của từng xí nghiệp, từng công ty và tính tự phát vô chính phủ của nền sản xuất hàng hoá ... Mâu thuẫn tồn tại khi sự vật xuất hiện đến khi sự vật kết thúc. Trong mỗi một sự vật mâu thuẫn hình thành không phải chỉ là một mà là nhiều mâu thuẫn, và sự vật trong cùng một lúc có nhiều mặt đối lập thì mâu thuẫn này mất đi thì mâu thuẫn khác lại hình thành...

Trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã dành được nhiều thắng lợi bước đầu mang tính quyết định, quan trọng trong việc chuyển nền kinh tế từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong những chuyển biến đó đã đạt được nhiều thành công to lớn nhưng trong những thành công đó luôn luôn tồn tại những mâu thuẫn làm kìm hãm sự phát triển của công cuộc đổi mới. Đòi hỏi phải được giải quyết và nếu được giải quyết sẽ thúc đẩy cho sự phát triển của nền kinh tế.

Với mong muốn tìm hiểu thêm những vấn đề của nền kinh tế, quan điểm lý luận cũng như những vướng mắc trong giải pháp, quy trình xử lý các vấn đề chính trị - xã hội có liên quan đến quá trình tiến hành cải cách trong việc chuyển nền kinh tế tôi chọn **“Mâu thuẫn biện chứng và biểu hiện của nó trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam”** làm đề tài cho tiểu luận môn triết học Mác- Lê nin.

Em xin chân thành cảm ơn thầy !

NỘI DUNG

I. LÝ LUẬN CHUNG:

Mỗi một sự vật, hiện tượng đang tồn tại đều là một thể thống nhất được cấu thành bởi các mặt, các khuynh hướng, các thuộc tính phát triển ngược chiều nhau, đối lập nhau..... ở đây chúng ta chia làm hai phần.

1.Sự đấu tranh của các mặt đối lập trong một thể thống nhất:

Trong phép biện chứng duy vật, khái niệm mặt đối lập là sự khái quát những thuộc tính, những khuynh hướng ngược chiều nhau tồn tại trong cùng một sự vật hiện tượng, tạo nên sự vật hiện tượng đó. Do đó, cần phải phân biệt rằng bất kỳ hi mặt đối lập nào cũng tạo thành mâu thuẫn. Bởi vì trong các sự vật hiện tượng của thế giới khách quan không phải chỉ tồn tại hai mặt đối lập. Trong cùng một thời điểm ở mỗi sự vật hiện tượng có thể cùng tồn tại nhiều mặt đối lập. Chỉ có những mặt đối lập là tồn tại thống nhất trong cùng một sự vật như một chỉnh thể, nhưng có khuynh hướng phát triển ngược chiều nhau, bài trừ, phủ định và chuyển hoá lẫn nhau (Sự chuyển hoá này tạo thành nguồn gốc động lực, đồng thời quy định bản chất, khuynh hướng phát triển của sự vật) thì có hai mặt đối lập như vậy mới gọi là hai mặt đối lập mâu thuẫn. “Thống nhất” của hai mặt đối lập được hiểu với ý nghĩa không phải chúng đứng cạnh nhau mà nương tựa vào nhau, tạo ra sự phù hợp cân bằng như liên hệ phụ thuộc, quy định và ràng buộc lẫn nhau. Mặt đối lập này lấy mặt đối lập kia làm tiền đề cho sự tồn tại của mình và ngược lại. Nếu thiếu một trong hai mặt đối lập chính tạo thành sự vật thì nhất định không có sự tồn tại của sự vật. Bởi vậy sự thống nhất của các mặt đối lập là điều kiện không thể thiếu được cho sự tồn tại của bất kỳ sự vật hiện tượng nào.

+ Sự thống nhất này do những đặc điểm riêng có của bản thân sự vật tạo nên.

Ví dụ: Trong nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp và nền kinh tế thị trường là điều kiện cho sự tồn tại của công cuộc đổi mới nền kinh tế ở Việt Nam, hai nền kinh tế khác nhau hoàn toàn về bản chất và những biểu hiện của nó nhưng nó lại hết sức quan trọng. Vì nó có sự thống nhất này nên nền kinh tế thị trường ở Việt Nam không thể tồn tại với ý nghĩa là chính nó.

Ví dụ: Lực lượng sản xuất - quan hệ sản xuất trong phương thức sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển thì cùng với nó quan hệ sản xuất cũng phát triển. Hai hình thức này chính là điều kiện tiền đề cho sự phát triển của phương thức sản xuất. Nhưng trong quan hệ của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất phải thoả mãn một số yêu cầu sau:

- Thứ nhất: Đó phải là một khái niệm chung nhất được khai quát từ các mặt phù hợp khác nhau phản ánh được bản chất của sự phù hợp của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.
- Thứ hai: Đó phải là một khái niệm “động” phản ánh được trạng thái biến đổi thường xuyên của sự vận động, phát triển trong quan hệ của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất.
- Thứ ba: Đó phải là một khái niệm có ý nghĩa thực tiễn. Ngoài ý nghĩa nhận thức, khái niệm về sự phù hợp của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất được coi là thoả đáng phải có tác dụng định hướng, chỉ dẫn cho việc xây dựng quan hệ sản xuất, sao cho những quan hệ sản xuất có khả năng phù hợp cao nhất với lực lượng sản xuất.

Tuy nhiên, khái niệm thống nhất này chỉ mang tính tương đối. Bản thân nội dung khái niệm cũng đã nói lên tính chất tương đối của nó: Thống nhất của cái đối lập, trong thống nhất đã bao hàm và chứa đựng trong nó sự đối lập.

Đấu tranh các mặt đối lập.

Sự thống nhất của các mặt đối lập trong cùng một sự vật không tách rời sự đấu tranh chuyển hoá giữa chúng. Bởi vì các mặt đối lập cùng tồn tại trong một sự vật thống nhất như một chỉnh thể trọn vẹn nhưng không nằm yên bên nhau mà điều chỉnh chuyển hoá lẫn nhau tạo thành động lực phát triển của

bản thân sự vật. Sự đấu tranh chuyển hoá, bài trừ, phủ định lẫn nhau giữa các mặt trong thế giới khách quan thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Ví dụ: Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong giai cấp có đối kháng mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tiên tiến với quan hệ sản xuất lạc hậu kìm hãm nó diễn ra rất quyết liệt và gay gắt. Chỉ thông qua các cuộc cách mạng xã hội bằng rất nhiều hình thức, kể cả bạo lực mới có thể giải quyết mâu thuẫn một cách căn bản.

Sự đấu tranh của các mặt đối lập được chia làm nhiều giai đoạn. Thông thường, khi nó mới xuất hiện, hai mặt đối lập chưa thể hiện rõ xung khắc gay gắt người ta gọi đó là giai đoạn khác nhau. Tất nhiên không phải bất kỳ sự khác nhau nào cũng được gọi là mâu thuẫn. Chỉ có những khác nhau tồn tại trong một sự vật nhưng liên hệ hữu cơ với nhau, phát triển ngược chiều nhau, tạo thành động lực bên trong của sự phát triển thì hai mặt đối lập ấy mới hình thành bước đầu của một mâu thuẫn. Khi hai mặt đối lập của một mâu thuẫn phát triển đến giai đoạn xung đột gay gắt, nó biến thành độc lập. Sự vật cũ mất đi, sự vật mới hình thành. Sau khi mâu thuẫn được giải quyết sự thống nhất của hai mặt đối lập cũ được thay thế bởi sự thống nhất của hai mặt đối lập mới, hai mặt đối lập mới lại đấu tranh chuyển hoá tạo thành mâu thuẫn. mâu thuẫn được giải quyết, sự vật mới xuất hiện. Cứ như thế, đấu tranh giữa các mặt đối lập làm cho sự vật biến đổi không ngừng từ thấp lên cao. Chính vì vậy, Lênin khẳng định “sự phát triển là một cuộc đấu tranh giữa các mặt đối lập”.

Khi bàn về mối quan hệ giữa sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, Lênin chỉ ra rằng: “Mặc dù thống nhất chỉ là điều kiện để sự vật tồn tại với ý nghĩa là chính nó - như có sự thống nhất của các mặt đối lập mà chúng ta nhận biết được sự vật, hiện tượng tồn tại trong thế giới khách quan. Song bản thân của sự thống nhất chỉ là tương đối và tạm thời. Đấu tranh giữa các mặt đối lập mới là tuyệt đối. Nó diễn ra thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình tồn tại của sự vật. Kể cả trong trạng thái sự vật ổn định, cũng như khi chuyển hoá nhảy vọt về chất. Lênin viết: “sự thống nhất (phù

hợp, đồng nhất, tác dụng ngang nhau) của các mặt đối lập là có điều kiện, tạm thời, thoáng qua trong tương đối. Sự đấu tranh của các mặt đối lập bài trừ lẫn nhau là tuyệt đối cũng như sự phát triển, sự vận động tuyệt đối”.

2. Chuyển hoá của các mặt đối lập:

Không phải bất kỳ sự đấu tranh nào của các mặt đối lập đều dẫn đến sự chuyển hoá giữa chúng. Chỉ có sự đấu tranh của các mặt đối lập phát triển đến một trình độ nhất định, hội đủ các điều kiện cần thiết mới dẫn đến chuyển hoá, bài trừ và phủ định nhau. Trong giới tự nhiên, chuyển hoá của các mặt đối lập thường diễn ra một cách tự phát, còn trong xã hội, chuyển hoá của các mặt đối lập nhất thiết phải diễn ra thông qua hoạt động có ý thức của con người.

Do đó, không nên hiểu sự chuyển hoá lẫn nhau giữa các mặt đối lập chỉ là sự hoán đổi vị trí một cách đơn giản, máy móc. Thông thường thì mâu thuẫn chuyển hoá theo hai phương thức:

+ Phương thức thứ nhất: Mặt đối lập này chuyển hoá thành mặt đối lập kia nhưng ở trình độ cao hơn xét về phương diện chất của sự vật.

Ví dụ: Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong xã hội phong kiến đấu tranh chuyển hoá lẫn nhau để hình thành quan hệ sản xuất mới là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và lực lượng sản xuất mới ở trình độ cao hơn.

+ Phương thức thứ hai: Cả hai mặt đối lập chuyển hoá lẫn nhau để thành hai mặt đối lập mới hoàn toàn.

Ví dụ: Nền kinh tế Việt Nam chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ những mâu thuẫn trên cho ta thấy trong thế giới hiện thực, bất kỳ sự vật hiện tượng nào cũng chứa đựng trong bản thân nó những mặt, những thuộc tính có khuynh hướng phát triển ngược chiều nhau. Sự đấu tranh chuyển hoá của các mặt đối lập trong điều kiện cụ thể tạo thành mâu thuẫn. Mâu thuẫn là hiện tượng khách quan, phổ biến của thế giới. Mâu thuẫn được

giải quyết, sự vật cũng mất đi, sự vật mới hình thành. Sự vật mới lại nảy sinh các mặt đối lập và mâu thuẫn mới.

Các mặt đối lập này lại đấu tranh chuyển hoá và phủ định lẫn nhau để tạo thành sự vật mới hơn. Cứ như vậy mà các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan thường xuyên phát triển và biến đổi không ngừng. Vì vậy, mâu thuẫn là nguồn gốc và động lực của mọi quá phát triển.

II. TÍNH TẤT YẾU CỦA QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ

THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM :

1. Kinh tế thị trường và những đặc điểm :

Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu lịch sử. Nó nhằm dẫn đến những mục tiêu rất cụ thể và mang tính cách mạng. Nó thay cũ đổi mới hàng loạt vấn đề về lý luận và thực tiễn, cả về kinh tế và chu trình xã hội, nó bảo vệ phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện, hoàn cảnh mới.

Như chúng ta đã biết, từ khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đều thực hiện nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, cơ chế vận hành và quản lý kinh tế này được duy trì trong một thời gian khá dài và xem như là một đặc trưng riêng biệt của chủ nghĩa xã hội, là cái đối lập với cơ chế thị trường của CNTB. Sự thực thì không phải hoàn toàn như vậy, nền kinh tế tập trung không chỉ là sản phẩm riêng biệt của CNXH, cũng như nền kinh tế thị trường không phải duy nhất được thiết lập trong CNTB. Nền kinh tế tập trung đã được các nước tư bản áp dụng từ trước nhiều nước nước xác lập chế độ XHCN. Nhưng các nước TBCN đã xoá bỏ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sau khi chiến tranh kết thúc và đã đạt được những thành tựu lớn về kinh tế, xã hội. Nhưng công bằng mà nói, nền kinh tế thị trường cũng chưa phải là cái duy nhất bảo đảm cho sự tăng trưởng và phát triển của xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH thì sự tồn tại của nền sản xuất hàng hoá, nền kinh tế thị trường - bước phát triển cao của nền sản xuất hàng hoá - là lẽ đương nhiên. Như vậy, có thể nói rằng nền kinh tế thị trường cũng như

nền kinh tế tập trung không phải là thuộc tính đặc thù, cố hữu riêng của một chế độ xã hội nào vấn đề áp dụng mỗi nền kinh tế đó vào thời điểm, hoàn cảnh lịch sử nào cho phù hợp để đạt hiệu quả cao nhất. Chúng ta đang trong giai đoạn quá độ lên CNXH, bởi thế việc phát triển nền kinh tế thị trường là một tất yếu khách quan. Mới chỉ có hơn chục năm đổi mới vừa qua, Việt Nam đã cho nhân dân thế giới ngỡ ngàng. Từ chỗ chúng ta còn xa lạ, nay đã hội nhập được với các nền kinh tế tiên tiến, hiện đại. Tất cả những thành tựu kinh tế mà chúng ta đạt được khi chuyển sang nền kinh tế thị trường đã nói lên công cuộc đổi mới ở nước ta là một cuộc cách mạng thực sự.

Ở Việt Nam có đặc điểm là bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là mục tiêu, nhiệm vụ không kém phần quan trọng làm sáng tỏ thêm ý nghĩa và vai trò cách mạng của công cuộc đổi mới hiện nay ở nước ta.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng ta một lần nữa khẳng định những giá trị khoa học bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tuyên bố lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động.

2. Chuyển sang nền kinh tế thị trường là một tất yếu khách quan trong quá trình phát triển nền kinh tế đất nước :

Thực tiễn vận động của nền kinh tế thế giới những năm gần đây cho thấy, mô hình phát triển kinh tế theo hướng thị trường có sự điều tiết vĩ mô từ trung tâm, trong bối cảnh của thời đại ngày nay, là mô hình hợp lý hơn cả. Mô hình này, về đại thể có thể đáp ứng những thách thức của sự phát triển.

ở nước ta, việc thực hiện mô hình này, trong thực tế, chẳng những là nội dung của công cuộc đổi mới mà hơn thế nữa còn là công cụ, là phương thức để nước ta đi tới mục tiêu xây dựng CNXH.

Nền kinh tế nước ta hiện nay chỉ có thể nói đang trong giai đoạn quá độ, chuyển tiếp từ nền kinh tế tập trung, hành chính, bao cấp sang nền kinh

tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Do vậy, những đặc điểm của giai đoạn quá độ trong nền kinh tế nước ta, đương nhiên là một vấn đề rất có ý nghĩa, rất cần được nghiên cứu, xem xét. Nhận thức được những đặc điểm phức tạp của giai đoạn quá độ, chi phối những đặc điểm đó, chúng ta sẽ tránh được những sai lầm chủ quan, nóng vội, duy ý chí hoặc những khuynh hướng cực đoan, máy móc, sao chép, chấp nhận nguyên bản kinh tế thị trường từ bên ngoài vào.

Như chúng ta đã biết, trong nền kinh tế tập trung, bao cấp, mọi chức năng kinh tế - xã hội của nền kinh tế đều được triển khai trong quá trình kế hoạch hoá ở cấp độ quốc gia. Tính bao cấp của Nhà nước đối với các hoạt động của sản xuất, lưu thông, phân phối... khá nặng nề. ở nước ta trước đây, chế độ hạch toán, trên thực tế còn nặng về hình thức. Lợi ích kinh tế, đặc biệt là lợi ích cá nhân người lao động, một động lực trực tiếp của hoạt động xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Vì thế, sự vận động của nền kinh tế nhìn chung là chậm chạp, kém năng động.

Kể từ đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) đến nay, theo đường lối đổi mới, đất nước ta đã từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa. Và điều đó có ý nghĩa là chúng ta đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng, những thành tựu cho phép chúng ta “điều chỉnh và bổ sung nhận thức, làm cho quan niệm về chủ nghĩa xã hội ngày càng cụ thể; đường lối chủ trương, chính sách ngày càng đồng bộ, có căn cứ khoa học và thực tiễn”. Những thành tựu đó, trong một chừng mực nhất định cũng gián tiếp khả năng của kinh tế thị trường trong việc năng động hoá nền kinh tế đất nước.

Kinh tế thị trường, như chúng ta đã biết, là một kiểu quan hệ kinh tế - xã hội mà trong đó sản xuất và tái sản xuất xã hội gắn liền với thị trường, tức là gắn chặt với quan hệ hàng hoá - tiền tệ. với quan hệ cung - cầu ... Trong nền kinh tế thị trường, nét biểu hiện có tính chất bề mặt của đời sống xã hội quan hệ hàng hoá.

Nếu như trước đây, nền kinh tế nước ta chỉ có một kiểu sở hữu tương đối thuần nhất với hai thành phần tập thể và quốc doanh, thì hiện nay, cùng với thành phần sở hữu chủ đạo là sở hữu Nhà nước, còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác. Những hình thức sở hữu đó, trong thực tế vận hành của nền kinh tế, không hẳn đã đồng bộ với nhau, đôi khi chúng còn có mâu thuẫn với nhau. Song về tổng thể, chúng là những bộ phận khách quan của nền kinh tế, có khả năng đáp ứng những đòi hỏi đa dạng và năng động của nền kinh tế thị trường.

Trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, việc chúng ta bước đầu sử dụng thị trường như là một công cụ, phương thức, trên thực tế đã đem lại những kết quả tích cực cả về phương diện thực tiễn và phương diện nhận thức.

Mỗi hành trang có ý nghĩa mà công cuộc đổi mới trang bị cho chúng ta sản xuất hàng hoá cùng với nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, hiện đã được chúng ta hiểu là không đối lập với CNXH. Với tính cách là sản phẩm của văn minh nhân loại, một cơ hội để các cộng đồng mở cửa, tiếp xúc với bên ngoài, kinh tế thị trường rõ ràng là cái khách quan và tất yếu đối với công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở nước ta, thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của công tác kế hoạch hoá. Việc điều tiết vĩ mô đối với thị trường, một mặt làm cho nền kinh tế nước ta thực sự trở thành một thị trường thống nhất- thống nhất trong cả nước và thống nhất với thị trường thế giới- mặt khác còn có tác dụng làm cho mỗi đơn vị kinh tế phải tự khẳng định khả năng và vai trò của mình trong thị trường.

Tuy nhiên, nhận ra sức mạnh của cơ chế thị trường bao nhiêu, chúng ta lại cũng hiểu rõ hơn bấy nhiêu mặt trái của nó đối với sự vận động của đời sống xã hội. Sự tăng trưởng kinh tế đương nhiên là một mục tiêu của phát triển xã hội; nó có khả năng tạo ra điều kiện để giải quyết các vấn đề xã hội. Nhưng tăng trưởng kinh tế không nhất thiết đi liền với tiến bộ xã hội.

Do vậy, những quan niệm của Đảng ta, để thực hiện sự nghiệp xây dựng CNXH với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, nền kinh tế thị trường nhất thiết phải có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

III. MÂU THUÃN BIỆN CHỨNG TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM :

1. Thực chất nền kinh tế thị trường ở Việt Nam :

1.1. Khái niệm kinh tế thị trường

Kinh tế thị trường là một kiểu quan hệ kinh tế xã hội mà trong đó, sản xuất xã hội gắn chặt với thị trường, tức là gắn chặt chẽ với quan hệ hàng hoá - tiền tệ, với quan hệ cung cầu... Trong nền kinh tế thị trường nét biểu hiện có tính chất bề mặt của đời sống xã hội là quan hệ hàng hoá. Mọi hoạt động xã hội đều phải tính đến quan hệ hàng hoá, hay ít nhất thì cũng phải sử dụng các quan hệ hàng hoá như mắt khâu trung gian.

1.2. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Thành tựu của 10 năm đổi mới vừa qua ở nước ta đã có tác dụng làm cho nước ta quen dần với các quan hệ hàng hoá. Hàm lượng kinh tế trong các hoạt động xã hội ngày càng được chú ý. Những kế hoạch những hoạt động xã hội bất chấp kinh tế hoặc phi kinh tế đã giảm đáng kể. Bước chuyển sang kinh tế thị trường này đương nhiên không tránh khỏi có những mặt tiêu cực của nó, nhưng dấu sao nó cũng nói lên sức sống và khả năng tác động của những quan hệ thị trường “ở Việt Nam, dù nền kinh tế thị trường mới chỉ đang hình thành, còn đang trong những bước chập chững ban đầu và được điều tiết một cách có ý thức theo định hướng XHCN, song cũng tác động khá rõ đến mọi mặt của đời sống xã hội và để lại đó những dấu ấn của mình...” Nếu như trước đây, nền kinh tế nước ta chỉ có một kiểu sở hữu thuần nhất với hai thành phần kinh tế tập thể và quốc doanh, thì hiện nay cùng với thành phần sở hữu chủ đạo chủ đạo là sở hữu nhà nước thì còn tồn tại nhiều thành phần sở hữu khác, về tổng thể, chúng là những bộ phận khách quan của nền kinh tế, có khả năng đáp ứng những đòi hỏi đa dạng và năng động của kinh tế thị trường.

Trên con đường CNH - HĐH, việc chúng ta bắt đầu sử dụng thị trường như một công cụ, một phương thức để đảm bảo tăng trưởng kinh tế, trên thực tế, đã đem lại những kết quả tích cực về cả phương diện, thực tiễn lẫn phương diện nhận thức.

Một hành trang có ý nghĩa mà công cuộc đổi mới cho chúng ta là, sản xuất hàng hoá cùng với “nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường” hiện nay đã được chúng ta hiểu là không mâu thuẫn với CNXH. Với tính cách là sản phẩm của văn minh nhân loại, một cơ hội để cộng đồng mở cửa, tiếp xúc với bên ngoài. Kinh tế thị trường rõ ràng là khách quan là tất yếu đối với công cuộc xây dựng CNXH.

Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở nước ta, thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của công tác kế hoạch hoá. Việc điều tiết vĩ mô đối với thị trường, một mặt là nền kinh tế nước ta thực sự trở thành một thị trường thống nhất - thống nhất trong cả nước và thống nhất với thị trường thế giới, mặt khác còn có tác dụng làm cho mỗi đơn vị kinh tế buộc phải tự khẳng định mình - vai trò của mình trong thị trường.

2. Những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa ở nước ta :

+) một số vấn đề lý luận chung của chủ nghĩa Mác - Lênin về qua hệ giữa kinh tế và chính trị :

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin thì kinh tế quyết định chính trị: “chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế”. Trong lịch sử phát triển xã hội loài người không phải báo về cũng có vấn đề chính trị. Xã hội nguyên thủy chưa có giai cấp, chưa có vấn đề chính trị. Từ khi xã hội xuất hiện giai cấp và Nhà nước thì vấn đề chính trị mới hình thành. Vấn đề chính trị là vấn đề thuộc quan hệ giai cấp và đấu tranh giai cấp. Trung tâm của vấn đề chính trị là vấn đề đấu tranh giữa các giai cấp , các lực lượng xã hội nhằm giành và giữ chình quyền nhà nước và sử dụng chính quyền đó làm công cụ để xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội phù hợp với lợi ích của giai cấp cầm quyền. Bản thân vấn đề chính trị ra đời hoàn toàn do kinh

tế quyết định. Chính trị không phải là mục đích, mà chỉ là phương tiện để thực hiện mục đích kinh tế. Khi phê phán quan niệm của Đuyrich cho rằng bạo lực chính trị quyết định kinh tế, F.Engen đã khẳng định "bạo lực chỉ là phương tiện, còn lợi ích kinh tế là mục đích". Trong tác phẩm "Lútwich Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức", F.Engen đã chỉ rõ "để thoả thuận những lợi ích kinh tế thì quyền lực chính trị chỉ được sử dụng là một phương tiện đơn thuần.

Quyền lực chính trị là công cụ mạnh mẽ nhất để bảo vệ chế độ xã hội. Sự thống trị về chính trị của một giai cấp nhất định là điều kiện đảm bảo cho giai cấp đó thực hiện được sự thống trị về kinh tế. Đấu tranh giai cấp, về thực chất là đấu tranh vì lợi ích kinh, được thực hiện thông qua đấu tranh chính trị. Theo F.Engen, "bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng đều là đấu tranh chính trị, xét đến cùng, đều xoay quanh vấn đề giải phóng về kinh tế". Để nhấn mạnh vai trò của chính trị V.I.Lenin đã khẳng định "chính trị không thể chiếm vị trí hàng đầu so với kinh tế" Khẳng định đó của Lenin không có nghĩa là phủ nhận hoàn toàn vai trò quyết định của kinh tế đối với chính trị, mà muốn nhấn mạnh tác động tích cực của chính trị đối với kinh tế. Vấn đề kinh tế không thể tách rời vấn đề chính trị mà nó được xem xét giải quyết theo một lập trường chính trị nhất định. Giai cấp nào cầm quyền cũng hướng kinh tế phát triển theo lập trường chính trị của giai cấp đó nhằm phục vụ cho mục tiêu kinh tế xã hội nhất định. Và lập trường chính trị đúng hay sai sẽ thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế. V.I>Lenin còn khẳng định "không có một lập trường chính trị đúng thì một giai cấp nhất định nào đó không thể nào giữ vững được sự thống trị của mình và do đó cũng không thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất ". Khi thể chế chính trị không phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thì kinh tế tất yếu sẽ mở đường đi. Khi đó, việc thay đổi thể chế chính trị cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế là điều kiện quyết định để thúc đẩy kinh tế phát triển. Như vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng kinh tế và chính trị là thống nhất và biện chứng với nhau trên nền tảng quyết

định là kinh tế. Đây là cơ sở phương pháp luận quan trọng trong việc nhận thức xã hội nói chung, nhận thức công cuộc đổi mới ở Việt Nam nói riêng.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6 năm 1991). Đảng ta đã khẳng định:

“Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Vì chính trị đụng chạm đến tất cả các mối quan hệ đặc biệt nhạy cảm và phức tạp trong xã hội, nên việc đổi mới hệ thống chính trị nhất thiết phải trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, không cho phép gây mất ổn định chính trị dẫn đến sự rối loạn. Nhưng không vì thế mà tiến hành chậm chễ đổi mới chính trị, nhất là về tổ chức bộ máy và các bộ, các mối quan hệ giữ Đảng và Nhà nước và cá đoàn thể nhân dân, bởi đó là điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện dân chủ.” Điều đó cho thấy Đảng ta đã không tách rời đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Đảng ta khẳng định rằng phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế và đồng thời với đổi mới kinh tế phải tiến hành từng bước đổi mới chính trị, nhưng phải thận trọng không gây mất ổn định về chính trị.

Tư tưởng trên đã được tiếp tục phát triển một cách rõ ràng hơn ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 7 năm 1996) của Đảng ta. Khi tổng kết các bài học của 10 năm đổi mới, Đảng ta đã khẳng định phải kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị. Đây là một bài học khái quát mới, hoàn toàn khoa học. Nó vừa phù hợp với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vừa phù hợp với thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta.

Trong khi đề ra đổi mới chính trị, Đảng ta luôn nhấn mạnh phải ổn định chính trị, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Điều này tương tự như một nghịch lý nhưng hoàn toàn có lý và khoa học.

Ổn định về chính trị, nói một cách khái quát là giai cấp cầm quyền phải tăng cường quyền lực chính trị của mình; Nhà nước của giai cấp đó phải mạnh và có hiệu lực, luật pháp phải nghiêm minh; chế độ xã hội đã xác lập phải được giữ vững. Đối với nước ta hiện nay, ổn định về chính trị thực chất là giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường vai trò của Nhà nước XHCN, bảo vệ và xây dựng thành công CNXH.

Thực tiễn trên thế giới cho thấy, ổn định chính trị là điều kiện hết sức cơ bản để phát triển kinh tế. Nó tạo ra môi trường để thu hút nguồn đầu tư trong nước và trên thế giới, tạo điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh. Những thành tựu trong 10 năm đổi mới vừa qua ở nước ta cũng khẳng định điều đó. Những thành tựu đó không thể tách rời việc chúng ta giữ được ổn định về chính trị.

Ổn định về chính trị lại không thể tách rời đổi mới về chính trị. Nhưng đổi mới chính trị không phải là đổi mới vô nguyên tắc, mà đổi mới là để giữ vững ổn định về chính trị, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò tổ chức quản lý của Nhà nước XHCN. Đổi mới chính trị phải gắn liền với đổi mới về kinh tế, phù hợp với yêu cầu phát triển của kinh tế thì mới có thể tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò tổ chức quản lý của Nhà nước XHCN, và như đó mới giữ vững ổn định về chính trị. Song đổi mới về kinh tế cũng không phải đổi mới một cách tùy tiện mà theo một định hướng nhất định. Đó là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang “nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” hay nói ngắn gọn là kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN là nhằm thực hiện mục tiêu “dân

giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh”, và đó cũng là cơ sở để giữ vững ổn định về chính trị.

Tóm lại: ổn định và đổi mới về chính trị là hai mặt đối lập nhưng thống nhất biện chứng với nhau. Có ổn định thì mới đổi mới, và đổi mới là điều kiện để ổn định, Hai mặt đó tác động qua lại với nhau và gắn bó chặt chẽ với đổi mới kinh tế, trên nền tảng của đổi mới kinh tế.

Như vậy, chúng ta thấy trong quá trình đổi mới ở nước ta, đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, thống nhất với nhau, trong đó đổi mới kinh tế là trọng tâm, đổi mới chính trị phải tiến hành từng bước phù hợp với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu của đổi mới kinh tế.

Điều khẳng định đó là sự khái quát kinh nghiệm của 10 năm đổi mới vừa qua là kết quả của việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Khía quát đó hoàn toàn khoa học và có giá trị định hướng cho giai đoạn phát triển tiếp theo - giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+) Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:

Trong công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN ở nước ta hiện nay, vấn đề lực lượng sản xuất - quan hệ sản xuất là một vấn đề hết sức phức tạp, mâu thuẫn giữa hai lực lượng này và những biểu hiện của nó xét trên phương diện triết học Mác - Lênin, theo đó lực lượng sản xuất là nội dung của sự vật còn quan hệ sản xuất là ý thức của sự vật, lực lượng sản xuất là yếu tố quyết định quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất là yếu tố động, luôn luôn thay đổi. Khi lực lượng sản xuất phát triển đến một trình độ nhất định thì quan hệ sản xuất sẽ không còn phù hợp nữa và trở thành yếu tố kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển. Để mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, cần thay thế quan hệ sản xuất cũ bằng một quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ

phát triển của lực lượng sản xuất. Chính quan hệ sản xuất tự phát triển để phù hợp với lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, đó là quy luật kinh tế chung cho sự phát triển xã hội.

Quá trình mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tiên tiến với quan hệ sản xuất lạc hậu kìm hãm nó diễn ra gay gắt, quyết liệt và cần được giải quyết. Nhưng giải quyết nó bằng cách nào? đó chính là các cuộc cách mạng xã hội, chuyển đổi nền kinh tế mà cuộc chuyển đổi nền kinh tế ở nước ta là một ví dụ. Khi một mục tiêu, một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, thể hiện tích chất cách mạng của công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam là phấn đấu xây dựng nước ta trở thành quốc gia công nghiệp hoá, hiện đại hoá, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Công nghiệp hiện đại hoá đất nước là chủ trương, biện pháp vừa mang tính cách mạng vừa mang tính khoa học để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nói đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước chính là nói đến nền sản xuất tiên tiến và đó chính là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, nói đến khoa học, đến sự anh minh, trí tuệ, là nói đến một phương thức tối ưu để thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, nhằm tạo điều kiện và cơ sở vật chất cho CNXH được xây dựng và phát triển. Không thể ăn đói, mặc rách với cái cuộc trên vai cộng thêm tấm lòng cộng sản để kiến thiết CNXH, chuyển sang nền kinh tế thị trường. Khẳng định cái mới, đúng đắn tự bản thân nó đã bao gồm cả ý nghĩa phủ định gạt bỏ cả quan niệm cũ sai lầm về điều kiện và cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trước đây chúng ta thiếu quan tâm đúng mức đến vai trò của trí tuệ; khoa học, đến việc tạo lập cơ sở kinh tế vật chất của CNXH. Bằng chứng là một thời chúng ta đã coi trọng không đúng mức tầng lớp trí thức và khoa học trong môi trường tương quan với đội ngũ những người lao động khác. Do thế, hậu quả tất yếu đã xảy ra là khoa học ở nước ta chậm hoặc ít có điều kiện môi trường phát triển, đất nước không thoát khỏi nền sản xuất nhỏ,

nông nghiệp lạc hậu và cũng không thể nói đến công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

+) Mâu thuẫn giữa các hình thức sở hữu trước đây và trong kinh tế thị trường:

Trước đây người ta quan niệm những hình thức sở hữu trong chủ nghĩa xã hội là : sở hữu XHCN tồn tại dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Sự tồn tại hai hình thức sở hữu đó là tất yếu khách quan bởi những điều kiện lịch sử khi tiến hành cách mạng CNXH và XDCNXH quyết định. Sau khi giành được chính quyền giai cấp công nhân đứng trước hai hình thức sở hữu tư nhân khác nhau. Sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và sở hữu tư nhân của những người sản xuất hàng hoá nhỏ. Thực tế đòi hỏi giai cấp công nhân phải có thái độ và phát triển giải quyết khác nhau. Đối với hình thức sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bằng cách tước đoạt hoặc chuộc lại để chuyển thẳng lên sở hữu toàn dân, còn đối với hình thức sở hữu tư nhân của những người sản xuất hàng hoá nhỏ thì không thể dùng những biện pháp như trên, mà phải kiên trì giáo dục, thuyết phục tổ chức họ trên cơ sở tự nguyện chuyển lên sở hữu tập thể bằng con đường hợp tác hoá hai hình thức. Sở hữu đó là hai con đường đặc thù tiến lên CNCS của giai cấp công nhân và nông dân tập thể.

Các hình thức sở hữu trước đây và trong thời kỳ quá độ chuyển sang kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Hơn mười năm đổi mới đất nước theo định hướng Xhcn ở nước ta đã chứng minh tính đúng đắn của đường lối đổi mới, của chính sách đa dạng hoá các hình thức sở hữu do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo toàn dân thực hiện. Thực tiễn đã cho thấy một nền kinh tế nhiều thành phần đương nhiên phải bao gồm nhiều hình thức sở hữu, chứ không phải chỉ có hai thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể như quan niệm trước đây...

Trong giai đoạn hiện nay nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN mà chúng ta đang xây dựng và phát triển bao gồm nhiều hình thức sở hữu như sở hữu toàn dân, sở hữu Nhà nước, sở hữu tập thể, sở

hữu cá thể và sở hữu hỗn hợp. Trong các hình thức sở hữu này khái quát lại chỉ có hai hình thức sở hữu cơ bản là công hữu và tư hữu, còn các hình thức khác chỉ là hình thức trung gian, quá độ hoặc hỗn hợp. ở đây , mỗi hình thức lại có nhiều phương thức biểu hiện về trình độ thể hiện khác nhau. Chúng được hình thành trên cơ sở có cùng bản chất kinh tế và tùy theo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và năng lực quản lý.

Về sở hữu toàn dân : trước đây người ta quan niệm sở hữu toàn dân trùng với sở hữu Nhà nước.

Nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần thì đương nhiên là nó bao gồm nhiều hình thức sở hữu, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vị trí then chốt, liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác phát triển theo hướng có lợi cho quốc kế dân sinh. Nhà nước quản lý kinh tế với tư cách là cơ quan có quyền lực đại diện cho lợi ích của nhân dân và là đại diện đối với tài sản sở hữu của toàn dân.

Ở nước ta hiện nay, như hiến pháp và luật đất đai đã quy định rõ :” đất đai thuộc sở hữu toàn dân”. Xét về mặt kinh tế đất đai là phương tiện tồn tại cơ bản của cả một cộng đồng xã hội. Xét về mặt xã hội đất đai là lãnh thổ nơi cư trú của cả một cộng đồng. Thế nhưng khi xét trên cả hai phương diện có thể nói rằng đất đai không thể là đối tượng sở hữu của riêng ai. Tuy nhiên, suy cho cùng, đất đai cũng là tư liệu sản xuất, hay nói chính xác hơn, đó là một bộ phận quan trọng của tư liệu sản xuất. Bởi thế , dù là đặc biệt thì trong nền kinh tế hàng hoá, nó vẫn phải vận động theo quy luật của thị trường và chịu sự điều tiết của quy luật đó. Việc đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà Nhà nước là người đại diện sở hữu và quản lý không hề mâu thuẫn với việc trao quyền cho các hộ nông dân , kể cả quyền chuyển nhượng, quyền sử dụng đất đai nếu biết giải quyết cụ thể các vấn đề sở hữu , biết tách quyền sở hữu với quyền sử dụng. Chẳng hạn như ruộng đất vẫn thuộc quyền sở hữu toàn dân song người nông dân có quyền sử dụng ổn định lâu dài thì có thể đem lại một sức bật cho sự phát triển của lực lượng sản xuất và

sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung. Văn kiện Đại hội VII của Đảng ta đã chỉ rõ: "trên cơ sở chế độ sở hữu toàn dân về đất đai, ruộng đất được giao cho người nông dân sử dụng lâu dài. Nhà nước quy định bằng luật pháp các vấn đề về thừa kế, chuyển quyền sử dụng đất..." (Đảng cộng sản Việt Nam văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII – Nhà xuất bản sự thật- Hà nội năm 1991). Như vậy hình thức sở hữu toàn dân ở nước ta hiện nay đã được xác định theo nội dung mới, có nhiều khả năng để thực sự trở thành nguồn lực phát triển kinh tế.

Về sở hữu nhà nước

Trong thời kỳ bao cấp trước đây không chỉ có nước ta mà còn có những nước khác trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa thường đồng nhất sở hữu nhà nước với sở hữu toàn dân. Do nhầm lẫn như vậy mà trong một thời gian khá lâu, người ta thường bỏ quên hình thức sở hữu nhà nước chỉ quan tâm đặc biệt đến sở hữu toàn dân với chế độ công hữu tồn tại dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể. Và cũng bởi sở hữu toàn dân gắn kết với sự phát triển của khu vực kinh tế quốc doanh mà chúng ta ra sức quốc doanh hóa nền kinh tế với niềm tin cho rằng chỉ như vậy mới có chủ nghĩa xã hội nhiều hơn. Thực ra, với quan niệm đó, sở hữu toàn dân đã trở thành sở hữu không phải của một chủ thể cụ thể nào cả.

Trong xã hội mà Nhà nước còn tồn tại thì sở hữu toàn dân chưa có điều kiện vận động trên bề mặt của đời sống kinh tế nói chung. Hình thức sở hữu nhà nước xét về tổng thể, mới chỉ là kết cấu bên ngoài của sở hữu. Còn kết cấu bên trong của sở hữu nhà nước ở nước ta có lẽ chủ yếu thể hiện ở quyền sở hữu đó ở khu vực kinh tế quốc doanh, khu vực các doanh nghiệp nhà nước.

Về sở hữu tập thể:

Ở nước ta trước đây sở hữu tập thể chủ yếu tồn tại dưới hình thức HTX (gồm cả HTX nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp) với nội dung là cả giá trị và giá trị sử dụng đều là của chung mà các xã viên là chủ sở hữu chính. Vì vậy với hình thức sở hữu này, quyền mua bán hoặc chuyển

nhượng tư liệu sản xuất, trong thực tế sản xuất và lưu thông hàng hoá ở nước ta đến ra hết sức phức tạp. Quyền của các tập thể sản xuất thường rất hạn chế, song đôi khi lại có tình trạng lạm quyền. Sự không xác định, sự nhập nhằng với quyền sở hữu nhà nước và sở hữu tư nhân trá hình cũng là hiện tượng phổ biến. Để thoát khỏi tình trạng đó, trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường hiện nay cần phải xác định rõ quyền mua bán và chuyển nhượng tư liệu sản xuất đối với các tập thể sản xuất kinh doanh. Chỉ có như vậy thì sở hữu tập thể mới có thể trở thành hình thức sở hữu có hiệu quả.

Chúng ta đã biết, HTX không phải là hình thức riêng có, đặc trưng cho CNXH, nhưng nó là một hình thức sở hữu kinh tế tiên bộ trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy chúng ta duy trì và phát triển hơn nữa hình thức sở hữu này khi xây dựng chủ nghĩa xã hội như V.I Lenin đã khẳng định, ” chế độ của người xã viên hợp tác xã văn minh là chế độ xã hội chủ nghĩa”.

HTX là nhu cầu thiết thực của nền kinh tế hộ gia đình, của nền sản xuất hàng hoá. Khi lực lượng sản xuất trong nông nghiệp và công nghiệp nhỏ phát triển tới một trình độ nhất định, nó sẽ thúc đẩy quá trình hợp tác. Trong điều kiện của nền kinh tế hàng hoá, các nhu cầu về vốn, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm .. đòi hỏi các hộ sản xuất phải hợp tác với nhau mới có khả năng cạnh tranh và phát triển. Chính nhu cầu đó đã liên kết những người lao động lại với nhau làm nảy sinh quan hệ sở hữu tập thể. Thực tiễn cho thấy, ở nước ta hiện nay đã có những hình thức HTX kiểu mới ra đời do nhu cầu tồn tại và phát triển của cơ chế thị trường” HTX đã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung”(Đảng cộng sản Việt nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII- Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà nội- 1996). Điều này cho thấy kết cấu bên trong của sở hữu tập thể đã thay đổi phù hợp với tình hình thực tiễn ở đất nước ta hiện nay.

+) Mâu thuẫn giữa kinh tế thị trường và mục tiêu xây dựng con người XHCN

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người XHCH. Yếu tố con người giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp cách mạng, bởi vì con người là chủ thể của mọi sáng tạo, của mọi nguồn của cải vật chất và văn hoá. Con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới, là mục tiêu của CNXH. Chúng ta phải bắt đầu từ con người làm điểm xuất phát.

Kinh tế thị trường là một loại hình kinh tế mà trong đó các mối quan hệ kinh tế giữa con người với con người được biểu hiện thông qua thị trường, tức là thông qua việc mua bán, trao đổi hàng hoá tiền tệ trên thị trường. Trong kinh tế thị trường, các quan hệ hàng hoá tiền tệ phát triển, mở rộng, bao quát trên mọi lĩnh vực, có ý nghĩa phổ biến đối với người sản xuất và người tiêu dùng. Do nảy sinh và hoạt động một cách khách quan trong điều kiện lịch sử nhất định Kinh tế thị trường phản ánh đầy đủ trình độ văn minh và phát triển xã hội là nhân tố phát triển sức sản xuất, tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy xã hội tiến lên. Tuy nhiên, kinh tế thị trường cũng có những khuyết tật như sự cạnh tranh lạnh lùng, tính tự phát mù quáng dẫn đến sự phá sản, thất nghiệp, khủng hoảng chu kỳ.

Xuất phát từ sự phân tích trên đây, chúng ta đã thấy rằng đổi mới ở nước ta hiện nay, không thể xây dựng và phát triển con người nếu thiếu yếu tố kinh tế thị trường. Do hậu quả của nhiều năm chiến tranh, của nền kinh tế kém phát triển, của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, nền kinh tế nước ta đa xột hậu nghiêm trọng so với khu vực và quốc tế. Trong bối cảnh đó, kinh tế thị trường là điều kiện rất quan trọng đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi khủng hoảng và phát triển, phục hồi sản xuất, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng, bắt kịp bước tiến của thời đại. Trên cơ sở đó, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao, những nhu cầu sinh hoạt vật chất cơ bản ngày càng được đáp ứng một cách đầy đủ và nhanh chóng. Con người không

thể có cơ thể khoẻ mạnh nếu thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu các điều kiện y tế hiện đại để chăm sóc giữ gìn sức khoẻ. Con người không thể có trí tuệ minh mẫn, phát triển nếu các điều kiện vật chất tiến hành các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học không được đáp ứng. Việc xây dựng, củng cố, hoàn thiện cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN cũng đồng nghĩa với việc tạo ra các điều kiện vật chất cơ bản để thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển con người cho thế kỷ XXI.

Trong những năm qua, kinh tế thị trường ở nước ta đã được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đi vào cuộc sống rất nhanh chóng, góp phần khơi dậy nhiều tiềm năng sáng tạo, làm cho nền kinh tế sống động hơn, bộ mặt thị trường được thay đổi và sôi động hơn. Đây là những kết quả đáng mừng, đáng được phát huy. Nó thể hiện sự phát hiện và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của xã hội. Quá trình biện chứng đi lên CNXH từ khách quan đang trở thành nhận thức chủ quan trên quy mô toàn xã hội.

Bên cạnh đó, có một khía cạnh khác cũng cần được đề cập đến : kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay không chỉ tạo điều kiện vật chất để xây dựng, phát huy nguồn lực con người mà còn tạo ra môi trường thích hợp cho con người phát triển hoàn toàn, toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Kinh tế thị trường tạo ra sự cạnh tranh, chạy đua quyết liệt. Điều đó buộc con người phải năng động sáng tạo , linh hoạt , có tác phong nhanh nhạy, có đầu óc quan sát , phân tích để thích nghi và hành động có hiệu quả . Từ đó, nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn của con người góp phần làm giảm đi sự chậm chạp và trì trệ vốn có của người lao động trong nền kinh tế lạc hậu từ ngàn đời con người Việt Nam. Kinh tế thị trường tạo ra những điều kiện thích hợp cho con người mở rộng các quan hệ buôn bán giao lưu, từ đó hình thành các chuẩn mực văn hoá đạo đức theo tiêu chí thị trường như chữ tín trong chất lượng và giao dịch.... Đây cũng là một hướng tốt đẹp bù đắp những thiếu hụt trong hệ giải trí của con người Việt Nam.

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng không phải cứ xây dựng được kinh tế thị trường là những phẩm chất tốt đẹp tự nó hình thành cho con người . Có

những lúc, những nơi, kinh tế thị trường không những không làm cho người ta năng động hơn, tốt đẹp hơn, mà ngược lại, còn làm tha hoá bản chất con người, biến con người thành gã nô lệ sùng bái đồng tiền hoặc kẻ đạo đức giả chỉ biết tôn trọng sức mạnh và lợi ích cá nhân, sẵn sàng trả đũa lên nhân phẩm, văn hoá, đạo đức, luân lý... Bên cạnh những tác động tích cực, kinh tế thị trường cũng có nhiều khuyết tật, hạn chế gây ra những tác động xấu. Đơn giản ví dụ như: tệ nạn thương mại hoá trường học, xem nhẹ truyền thống tôn sư trọng đạo. Quan hệ hàng hóa- tiền tệ làm sôi động thị trường nhưng cũng làm sôi mòn nhân cách và phẩm chất con người. Ngoài ra, đi kèm với kinh tế thị trường là hàng loạt các tệ nạn xã hội để đưa đến rối loạn, khủng hoảng cho gia đình, hạt nhân – tế bào của xã hội. Nạn cờ bạc, rượu chè, mại dâm, ma tuý, buôn lậu, hối lộ, tham nhũng... là những căn bệnh trầm kha không dễ bề khắc phục trong kinh tế thị trường. Thật không sai khi hình dung kinh tế thị trường là con dao hai lưỡi, nếu dùng không cẩn thận sẽ bị đứt tay.

Những phân tích trên đây cho thấy, kinh tế thị trường là mục tiêu xây dựng con người XHCN là một mâu thuẫn biện chứng trong thực tiễn nước ta hiện nay. Đây chính là hai mặt đối lập của một mâu thuẫn xã hội. Giữa kinh tế thị trường và quá trình xây dựng con người vừa có sự thống nhất, vừa có sự đấu tranh. Kinh tế thị trường vừa tạo ra những điều kiện để xây dựng, phát huy những nguồn lực con người, vừa tạo ra những độc tố huỷ hoại đầu độc con người. Việc giải quyết những mâu thuẫn trên đây là việc làm không hề đơn giản. Đối với nước ta mâu thuẫn giữa kinh tế thị trường và quá trình xây dựng con người được giải quyết bằng vai trò lãnh đạo của Đảng, bằng sự quản lý của Nhà nước theo định hướng CNXH. Đảng ta xác định “sản xuất hàng hoá không đối lập với CHXH mà là thành tựu phát triển nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng XHCN và cả khi CNXH đã được xây dựng” Như vậy Đảng ta vạch rõ sự thống nhất giữa kinh tế thị trường và mục tiêu xây dựng xã hội chủ nghĩa. Việc áp dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý tâm

vĩ mô của Nhà nước, đồng thời xác nhận đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt các vấn đề này sẽ phát huy được những tác động tích cực to lớn cũng như ngăn ngừa hạn chế khắc phục những tiêu cực, khiếm khuyết của kinh tế thị trường. Các hoạt động sản xuất kinh doanh phải hướng vào phục vụ công cuộc xây dựng nguồn lực con người. Cần phải tiến hành các hoạt động văn hoá giáo dục nhằm loại bỏ tâm lý sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý coi thường các giá trị nhân văn, phải ra sức phát huy các giá trị tinh thần nhân đạo, thẩm mỹ, các di sản văn hoá nghệ thuật của dân tộc như nội dung của Nghị quyết TW 5 đã nêu. Đây chính là công cụ, là phương tiện quan trọng để tác động, góp phần giải quyết mâu thuẫn đã nêu trên.

KẾT LUẬN

Mâu thuẫn là một hiện tượng khách quan phổ biến hình thành từ những cấu trúc và thuộc tính bên trong vốn có tự thân của tất cả các sự vật, hiện tượng trong bản thân thế giới khách quan... do đó trong hoạt động thực tiễn phân tích từng mặt độc lập tạo thành mâu thuẫn cụ thể để nhận thức được bản chất khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.

Cần nắm vững nguyên tắc để giải quyết mâu thuẫn. Đó là sự đấu tranh giữa hai mặt đối lập diễn ra theo quy luật phá vỡ những cái cũ để thiết lập cái mới tiến bộ hơn. Vì vậy, trong đời sống xã hội, mọi hành vi đấu tranh cần được coi là chân chính khi nó thúc đẩy sự phát triển.

Trong thời kỳ chuyển nền kinh tế ở Việt Nam từ kế hoạch tập chung quan liêu bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa. Chủ chương lãnh đạo của Đảng là rất đúng đắn tuy nhiên trong thực hiện còn nhiều thiếu sót, mâu thuẫn giữa các vấn đề nảy sinh, nhưng những mâu thuẫn đó lại đòi hỏi chúng ta phải giải quyết có như thế nền kinh tế mới phát triển theo đúng nghĩa đổi mới của nó.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu hướng dẫn
2. Giáo trình triết học Mác Lênin tập 2 (Nhà xuất bản chính trị quốc gia).
3. Tạp chí triết học số 1(101) tháng 2 năm 1998.
4. Tạp chí triết học số 1(107) tháng 2 năm 1999.
5. Tạp chí triết học số 3(103) tháng 6 năm 1998.
6. Việt nam chuyển sang nền kinh tế thị trường
(Học viện chính trị quốc gia).
7. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII.
8. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII.
9. Báo nhân dân ngày 8 tháng 1 năm 1999.